

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NETLAND NĂM 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland (gọi tắt là “Công ty”).

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày **18/03/2019**.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (gọi tắt là “HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu bầu cử và các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

4.1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách bầu cử, cách sử dụng thẻ biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.

4.3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc
- c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua quyết định của Đại hội

8.1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

8.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sát nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ

chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

8.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, quy định tại Quy chế bầu cử.

Điều 9. Thẻ biểu quyết

9.1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, tổng số phiếu biểu quyết và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 10. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung. Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết quá một lần trong tổng số ba lần biểu quyết “Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến/ Không hợp lệ”.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ cao thẻ biểu quyết và khi được sự đồng ý của Chủ tọa mới được phát biểu.

Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội.

Điều 12. Biên bản Đại hội

12.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

12.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

12.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

12.4. Biên bản Đại hội được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

12.5. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 13. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, Nghị quyết Đại hội được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

Số: 01/BC/2019-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NETLAND

Kính thưa các vị cổ đông!

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả hoạt động năm 2018 và định hướng chương trình, mục tiêu năm 2019 của Công ty, cụ thể như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình nhân sự

Trong năm 2018, HĐQT có sự thay đổi về cơ cấu và thành viên HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thống Nhất	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Khánh Quang	Phó chủ tịch HĐQT
3	Dương Minh Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (đã từ nhiệm ngày 26/05/2018)
4	Nguyễn Hữu Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Vi Thoại	Thành viên HĐQT độc lập
6	Vũ Ngọc Châu	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 26/05/2018)

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với Ông Dương Minh Tiến và bầu bổ sung Ông Vũ Ngọc Châu vào Thành viên HĐQT thay thế. Như vậy Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 có cơ cấu Thành viên HĐQT độc lập là 3/5 Thành viên.

2. Các hoạt động của HĐQT

Năm 2018, Công ty đã đề ra nhiều giải pháp để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và đạt được một số chỉ tiêu nhất định. Hội đồng quản trị đã tạo đủ điều kiện để Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoạt động được liên tục và từng bước đi vào ổn định, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát đối với công tác điều hành chung của Công ty.

- HĐQT thường xuyên theo sát mọi hoạt động của Công ty và đã có nhiều chỉ đạo, giải pháp quan trọng, hiệu quả, kịp thời về thị trường, nhân sự, đầu tư, ... giúp cho hoạt động của Công ty được thuận lợi, hiệu quả.
- Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- HĐQT Công ty đã tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời chỉ đạo, giải quyết kịp thời những phát sinh đảm bảo cho hoạt động của Công ty đạt hiệu quả và đúng định hướng phát triển của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, hoàn thiện các dự án đầu tư; giám sát việc triển khai thi công cũng như bán các sản phẩm của Công ty.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	090218-1/NQ-HĐQT	09/02/2018	Thông qua việc đàm phán với nhà đầu tư chiến lược Sanei Architecture Planning Co., Ltd
2.	090218-2/NQ-HĐQT	09/02/2018	Thông qua việc mua lại công trình xây dựng và quyền sử dụng đất tại số 3 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, Tp.HCM
3.	240318/NQ-HĐQT	24/03/2018	Thông qua việc vay vốn kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
4.	110418/NQ-HĐQT	11/04/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
5.	050718/NQ-HĐQT	05/07/2018	Thông qua quyết định đầu tư tài sản tại số 3 Trần Nhật Duật, p. Tân Định, quận 1, Tp.HCM.
6.	240918/NQ-HĐQT	24/09/2018	Thông qua việc mở văn phòng đại diện tại Nhật; thông qua phương án sử dụng vốn phát hành cổ phiếu theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
7.	221018/NQ-HĐQT	22/10/2018	Thông qua việc ký kết hợp đồng khung số 2210/2018/HĐCN/ĐKRH-NRC ngày 22/10/2018 về việc chuyển nhượng một phần dự án Khu nhà ở Phía đông Rạch Thủ Lựu, thành phố Bà Rịa
8.	251018/NQ-HĐQT	25/10/2018	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược.
9.	311018/NQ-HĐQT	31/10/2018	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và ESOP
10.	3110181/NQ-HĐQT	31/10/2018	Thông qua việc chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			của Công ty năm 2017.
11.	191118/NQ-HĐQT	19/11/2018	Thông qua việc sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, cổ đông hiện hữu và ESOP
12.	0312181/NQ-HĐQT	03/12/2018	Thông qua kế hoạch sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP
13.	0312182/NQ-HĐQT	03/12/2018	Thông qua việc sửa đổi Khoản 2 Điều 6 Quy chế ESOP theo NQ HĐQT số 311018/NQ-HĐQT ngày 31/10/2018
14.	241218/NQ-HĐQT	24/12/2018	Thông qua quyết định mua lại một số sản phẩm nhà phố của dự án Khu nhà ở phía Đông rạch Thủ Lựu tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa

Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động của công ty chủ động đáp ứng sự thay đổi của hoạt động kinh doanh, HĐQT đã ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chủ động điều hành hoạt động công ty và báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất.

II. TÌNH HÌNH CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

Để giúp cho Quý cổ đông nắm rõ về tình hình hoạt động đầu tư và hợp tác đầu tư dự án của Công ty, HĐQT xin báo cáo về các dự án Công ty đang triển khai và hoàn thiện các thủ tục để giúp Công ty chủ động trong doanh thu và lợi nhuận trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

STT	Tên dự án	Số sản phẩm	Thông tin dự án
1	Queen Pearl	1.047	- Vị trí: Mặt tiền đường Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Bình Thuận - Loại hình đầu tư: đất nền nhà phố, shophouse và biệt thự biển - Diện tích đất: 27,2 ha - Thời gian triển khai: Quý I/2016
2	Queen Pearl giai đoạn mở rộng	457	- Vị trí: Nằm kề dự án Queen Pearl, tại P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Bình Thuận - Loại hình đầu tư: đất nền nhà phố, shophouse và biệt thự biển - Diện tích đất: 12,6 ha - Thời gian triển khai: Tháng 03/2017
3	Harborizon	450	- Vị trí: Hòn Rớ, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang - Loại hình đầu tư: Khu nghỉ dưỡng, sinh thái - Diện tích đất: 14,9 ha
4	Căn hộ chung cư Barya Citi	440	- Vị trí: bao bọc và tiếp giáp với 3 tuyến đường huyết mạch Cách mạng tháng 8 – Nguyễn Văn Cừ - Trường Chinh - Loại hình đầu tư: căn hộ chung cư - Diện tích đất: 7.788 m ²

STT	Tên dự án	Số sản phẩm	Thông tin dự án
5	Cao ốc Phan Thiết	180	- Vị trí: Phường Phú Hải , TP. Phan Thiết, Bình Thuận - Loại hình đầu tư: căn hộ, thương mại - Diện tích đất: 2.000 m ²
6	Saigon Metro Mall	377	- Vị trí: Quận 8, Tp. HCM - Loại hình đầu tư: shophouse - Diện tích đất: 6.471,5 m ²
7	Đất nền tại Đồng Nai	650	- Vị trí: Huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai - Loại hình đầu tư: đất nền - Diện tích đất: 13,7 ha
8	Chung cư cao cấp tại Nha Trang	1.504	- Vị trí: Đường Trần Phú, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa - Loại hình đầu tư: căn hộ, thương mại - Diện tích đất: 11.000 m ²
9	Long Hau Riverside	390	- Vị trí: Xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An - Loại hình đầu tư: đất nền nhà phố và biệt thự - Diện tích đất: 20,29 ha - Hình thức đầu tư: DKR môi giới độc quyền

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HDQT xin trân trọng báo cáo đến các cổ đông về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018 với những nội dung cơ bản như sau:

1. Kết quả SXKD

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu thuần	150.000	176.745	117,83%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	70.000	72.117	103,02%

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 260518/NQ-ĐHĐCĐ-2018 đã được thông qua ngày 26/05/2018

❖ Ngày giao dịch đầu tiên trên thị trường chứng khoán

Ngày 05/04/2018 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu niêm yết của Công ty CP Bất động sản Netland (mã chứng khoán: NRC).

❖ Lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2018:

Đơn vị kiểm toán được lựa chọn kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC)

❖ Kế hoạch đầu tư và phân phối dự án:

- Ngày 05/07/2018, HĐQT ra Nghị quyết thông qua quyết định đầu tư tài sản tại địa chỉ số 03 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, TP.HCM với giá cụ thể như sau:
 - + Giá mua bán tài sản gắn liền với đất là: 2.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*)
 - + Giá chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ trên là: 57.491.280.000 đồng (*bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi mốt triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*)
 - Thông qua việc vay ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – CN Gia Định với nội dung cụ thể như sau:
 - + Số tiền vay: 38.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi tám tỷ đồng)
 - + Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư tài sản tại địa chỉ số 03 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, TP.HCM
 - + Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Ngày 24/09/2018, HĐQT thông qua quyết định thành lập văn phòng đại diện của Công ty tại Tokyo, Nhật Bản. Việc thành lập sẽ được hoàn thành trong năm 2019.
 - + Thông qua việc nhận chuyển nhượng Dự án cao ốc tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với diện tích 7.788 m² thuộc một phần của Dự án Khu nhà ở phía đông rạch Thủ Lự.
 - + Thông qua phương án sử dụng vốn phát hành cổ phiếu để thực hiện việc chuyển nhượng Dự án cao ốc tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa với diện tích 7.788 m² thuộc một phần của Dự án Khu nhà ở phía đông rạch Thủ Lự.
 - + Thông qua việc mua lại cổ phần từ cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư VHR theo tỷ lệ nắm giữ tối đa tại VHR là 23,5%.
 - Thông qua việc ký kết Hợp đồng khung số 2210/2018/HĐCN/DKRH-NRC về việc chuyển nhượng một phần dự án khu nhà ở phía Đông rạch Thủ Lự tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa với giá trị hợp đồng là 200.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng*).
 - Tháng 12/2018, HĐQT thông qua quyết định mua lại một số sản phẩm nhà phố của Dự án Khu nhà ở phía Đông rạch Thủ Lự tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa với giá mua là: 41.340.237.050 đồng. Doanh thu dự kiến thu về là: 48.635.573.000 đồng. Doanh thu bán số lượng sản phẩm trên sẽ được ghi nhận trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm được thông qua.
- ❖ Việc triển khai chi trả cổ tức cho năm 2017 cho các cổ đông có sở hữu cổ phần của Công ty.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 20%/ cổ phiếu.

- Thời gian chi trả cổ tức: Ngày 26/11/2018.
- ❖ Hồ sơ phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, cổ đông hiện hữu và ESOP:
 - Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Tới cuối năm 2018, toàn bộ hồ sơ đã được nộp đầy đủ và chính xác ra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 02/01/2019, Công ty đã nhận được công văn số 06/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Netland. Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược là Sanei Architecture Planning Co., Ltd với số lượng là 2,4 triệu cổ phiếu.
 - Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và ESOP: Tới cuối năm 2018, HĐQT đã nộp hồ sơ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và ESOP ra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời đã tiến hành giải trình và bổ sung hồ sơ để hoàn chỉnh việc phát hành. Ngày 12/02/2019, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty phát hành theo đúng như Nghị quyết ĐHCĐ đã được thông qua.

Kết quả của đợt phát hành sẽ được HĐQT báo cáo trong Báo cáo của HĐQT năm 2019.

3. Chi trả thù lao các thành viên HĐQT và BKS

Hội đồng quản trị triển khai chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- Chi trả cho các thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền đã chi trả là 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng.
- Chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền đã chi trả là 108.000.000 (*Một trăm lẻ tám triệu*) đồng
- Các lợi ích và giao dịch liên quan (theo báo cáo tài chính kiểm toán)

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA 2019

- Tiếp tục triển khai tất cả các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua từ trước đến nay.
- Công ty sẽ đẩy mạnh việc đầu tư những dự án bất động sản có vị trí đẹp, đã có mặt bằng hoàn chỉnh, hoàn thiện các thủ tục nhằm chuẩn bị cho chiến lược trung và dài hạn của Công ty;
- Trong năm 2019, Công ty sẽ hoàn thành việc thành lập văn phòng đại diện bên Nhật để tạo kênh hỗ trợ, tiếp cận với nguồn vốn, xúc tiến giao dịch, kinh doanh của Công ty với đối tác và khách hàng.

- Mở rộng hợp tác đầu tư các tập đoàn nước ngoài, đa dạng các nhà đầu tư từ nhiều nước.
- Triển khai các dự án có quy mô lớn tại địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Nha Trang, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận.

Kính thưa quý vị cổ đông!

Năm 2018 là một năm thành công rực rỡ đối với Công ty, HĐQT cũng như Ban điều hành Công ty đã có những cố gắng góp phần tạo cho Netland có những bước đi vững chắc. Năm 2019 sẽ mở ra nhiều cơ hội và thách thức, chúng ta hi vọng Công ty Cổ phần Bất động sản Netland sẽ có được nhiều sự hỗ trợ hơn nữa để vượt qua khó khăn, ổn định và tiếp tục phát triển. Đồng thời cũng đòi hỏi sự sáng suốt, linh hoạt, nhanh nhạy trong quản lý điều hành cũng như sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể CBCNV và sự ủng hộ chia sẻ của Quý cổ đông, nhà đầu tư. Chúng tôi tin tưởng các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 sẽ được thực hiện thành công.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

Số: 02/BC/2019-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

*Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2018
của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland*

Kinh gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NETLAND

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Bất động sản Netland đã được thông qua;
- Căn cứ tình hình triển khai Nghị quyết của HĐQT Công ty năm 2018;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính Mẹ và hợp nhất năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học Tp. HCM

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2018 Ban kiểm soát (BKS) có 03 thành viên không thay đổi.

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Ngọc Hiền	Trưởng BKS
2	Vũ Thị Nguyệt Nhung	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS

Trong năm, Ban Kiểm soát của công ty đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ, quy chế quản trị trong toàn bộ hoạt động của Công ty.
- Tổ chức họp 02 kỳ vào đầu năm và cuối năm để rà soát và triển khai công việc theo nhiệm vụ được giao.
- Giám sát, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh và việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành.
- Xem xét tính chính xác, trung thực và hợp pháp của báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm; báo cáo thường niên của công ty theo định kỳ.
- Giám sát các nguồn doanh thu, chi phí trong Công ty để đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ. Giám sát việc chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo quy định của pháp luật.

- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật, gồm có: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán. Phối hợp giải quyết các vấn đề trong thẩm quyền.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% tăng/giảm so với 2017	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	22.764	90.116	65.883	176.745	189,42%	96,13%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	16.103	38.143	54.832	80.890	240,51%	112,07%
3	Lợi nhuận trước thuế	16.476	38.261	54.705	79.892	232,03%	108,81%
4	Lợi nhuận sau thuế	15.578	33.214	53.943	72.117	246,28%	117,13%

Tình hình kinh doanh năm 2018 của Công ty rất khả quan. Tất cả các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2018 đều tăng so với năm 2017, cụ thể doanh thu tăng từ dịch vụ môi giới đạt 111,7 tỷ đồng chiếm hơn 63% trong cơ cấu doanh thu của Netland. Trong năm phát sinh thêm doanh thu từ Hợp tác đầu tư Khu thương mại dịch vụ và dân cư Tân Việt Phát, phường Phú Hải, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (Queen Pearl) và Doanh thu từ hoạt động Hợp tác đầu tư dự án Khu biệt thự vườn Panorama Villas tại Hòn Rớ, xã Phước Đồng, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa (Haborizon Nha Trang).

2. Cân đối kế toán

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm (HN)	Số đầu năm (HN)
TÀI SẢN	502.612	260.060
A/ Tài sản ngắn hạn	299.713	130.342
B/ Tài sản dài hạn	202.899	129.718
NGUỒN VỐN	502.612	260.060
C/ Nợ phải trả	297.736	102.948
D/ Vốn chủ sở hữu	204.876	157.112

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	3,63
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,19	2,81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,59
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,66	1,45
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,61	0,94
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,62	0,46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	36,86	40,80
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	34,19	39,85
- Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân	%	22,10	18,91
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	42,33	45,77
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	đồng/cp	5.724	5.861

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (“AISC”) được chỉ định là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty, là công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính.
- Doanh thu thuần cũng như lợi nhuận sau thuế hợp nhất đều tăng vượt trội so với kế hoạch được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH2018/ KH2018	Thực hiện 2017	% TH2018/ TH2017
1	Doanh thu thuần	150.000	176.745	117,83%	90.116	196,13%
2	Lợi nhuận trước thuế	87.500	79.892	91,31%	38.261	208,81%
3	Lợi nhuận sau thuế	70.000	72.117	103,02%	33.214	217,13%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.917	5.861	200,93%	5.724	102,39%

- Trong năm 2018, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 20%/cổ phiếu bằng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty. Việc chi trả đã thực hiện theo đúng tinh thần của NQ ĐHĐCĐ và đúng theo quy định của pháp luật.
- Công ty trích lập và phân phối các quỹ theo đúng tỷ lệ do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
- Công ty không có các khoản nợ phải thu quá hạn và các khoản nợ phải trả quá hạn.
- Việc thanh toán các khoản công nợ phải trả cho khách hàng, các khoản trả nợ vay đều được Công ty thanh toán đúng và đầy đủ theo như hợp đồng cũng như cam kết của các bên.
- Các khoản phải nộp như nộp thuế, nộp bảo hiểm xã hội luôn được Công ty nghiêm chỉnh chấp hành đúng pháp luật.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Hội đồng quản trị

- HĐQT có 05 thành viên đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của Điều lệ, trong đó có 03 Thành viên độc lập không điều hành theo đúng quy định của Công ty đại chúng niêm yết. Các Thành viên HĐQT đã có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động của HĐQT.
- HĐQT họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì.
- HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT.
- Các cuộc họp HĐQT có mời BKS tham dự.
- Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.
- HĐQT Công ty luôn bám sát các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả của Công ty.
- Năm 2018 không có điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT để BKS phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với hoạt động của Công ty, BKS thống nhất với báo cáo của HĐQT trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

2. Ban điều hành

- Ban điều hành đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT.
- Trong năm 2018 Ban điều hành đã có sự nỗ lực cải tiến trong việc điều hành. Mỗi đầu tuần Ban điều hành đều họp giao ban báo cáo các công việc thực hiện, phân công nhiệm vụ và phối hợp thực hiện công tác quản lý một cách có hiệu quả.

Năm 2018, Ban điều hành cùng với HĐQT đã giúp đưa Công ty trở thành công ty đại chúng và ngày 05/04/2019 trở thành Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã được thông qua, HĐQT và Ban điều hành đã tiến hành gần như hoàn tất hồ sơ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược Sanei và ESOP. Báo cáo kết quả phát hành và mục đích sử dụng vốn phát hành sẽ được Ban kiểm soát báo cáo trong báo cáo năm 2019.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Quá trình kiểm soát trong năm 2018 cho đến thời điểm thẩm định các báo cáo, Ban kiểm soát chưa phát hiện một hiện tượng tiêu cực nào của HĐQT và Ban điều hành. Đồng thời Ban kiểm soát cũng chưa nhận được phản ánh nào của cổ đông về quản lý điều hành của HĐQT và Ban điều hành.
- HĐQT và Ban điều hành đã và đang vận hành tốt Công ty theo đúng luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.

2. Một số kiến nghị

- Tăng cường chỉ đạo từ HĐQT xuống Ban điều hành để hoạt động đầu tư và kinh doanh có hiệu quả hơn nữa.
- Ban kiểm soát sẽ theo dõi sát mọi khoản doanh thu và chi phí của tất cả các bộ phận trong công ty để đảm bảo sự hợp lý.
- Kiểm soát tốt các dự án để rút ngắn thời gian thu hồi vốn, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Trân trọng kính trình.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)
LÊ THỊ NGỌC HIỀN**

Số: 01/TT/2019-ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.

1. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 (bắt đầu từ ngày 01/01/2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018)

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: Báo cáo của Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính như sau:

- Toàn văn báo cáo tài chính riêng công ty Mẹ năm 2018 của Công ty cổ phần Bất động sản Netland được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & Dịch vụ Tin học Tp.HCM;
- Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & Dịch vụ Tin học Tp.HCM.

Báo cáo tài chính Mẹ và Hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland đã được HĐQT công bố công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm 2019

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp và minh bạch trong công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty với các nội dung sau:

❖ Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thuộc danh sách các đơn vị kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Có kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán cho các công ty lớn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, tài chính và đầu tư xây dựng;
- Đội ngũ kiểm toán viên nhiều kinh nghiệm, trung thực, có năng lực và đề cao đạo đức nghề nghiệp;

- Có mức phí kiểm toán phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

❖ Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đề xuất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ tin học Tp.HCM – 389A Điện Biên Phủ, phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh là đơn vị kiểm toán đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên và đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2016 đến năm 2018, để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty, giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị kiểm toán độc lập và các công việc có liên quan khác (nếu có).

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch, đầu tư và phân phối các dự án năm 2019

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những hoạt động thường nhật và định kỳ theo thông lệ thì trong năm 2019, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các kế hoạch chủ yếu như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2019

Kế hoạch trong năm tới được Hội đồng quản trị lập và trình đại hội thông qua gồm các nội dung chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	TH 2018 HN (Triệu đồng)	KH 2019 (Triệu đồng)	% +/- so với 2018
1	Vốn điều lệ	120.000	240.000	100%
2	Doanh thu thuần (DTT)	176.745	350.000	98,03%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	72.117	110.000	52,53%
4	Tỷ lệ cổ tức (%)	20%	10-20%	

2. Kế hoạch đầu tư và phân phối dự án

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ tích cực hơn nữa phát huy công việc khai thác, thẩm định và quyết định đầu tư các dự án hiệu quả, đem lại lợi nhuận và giá trị cao cho Công ty. Tuy nhiên, thực tế hoạt động kinh doanh có nhiều biến động và khó có thể dự báo chính xác, điều này rất cần có sự chủ động nên Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến đầu tư, phân phối dự án với loại dự án, số lượng dự án và quy mô không hạn chế. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

3. Kế hoạch đầu tư, ký kết các hợp đồng, và giao dịch có liên quan của công ty

Đối với các khoản đầu tư, mua bán từ người có liên quan hoặc công ty có liên quan: Nhằm tận dụng lợi thế và tối ưu hóa nguồn lực, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định các nội dung: Phương án mua bán, phương án đầu tư, giá đầu tư và giá mua bán, tỉ lệ đầu tư và tỉ lệ mua bán, các vấn đề cần thiết để giao dịch được thành công; Đảm bảo lợi ích cho công ty và báo cáo lại cho Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Đối với các giao dịch có liên quan khác: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định

cấp các khoản vay, bảo lãnh với các bên có liên quan (và ngược lại) với giá trị mỗi khoản vay, bảo lãnh vay với các bên có liên quan dưới giá trị 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

4. Mua sắm tài sản cố định

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc mua sắm tài sản cố định cho Công ty mà không bị giới hạn về giá trị của tài sản. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

Số: 03/TT-2019-ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính trình Đại hội,

- Căn cứ Báo cáo tài chính của năm 2018 công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty.

1. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

❖ Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 được thông qua:

Stt	Khoản mục	Tỷ lệ trích theo NQ ĐHĐCĐ (%)
1	Quỹ khen thưởng	5%
2	Quỹ phúc lợi	1%
3	Quỹ đầu tư phát triển	2%
4	Thưởng Hội đồng quản trị	1%
5	Thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị	10% trên phần vượt kế hoạch
6	Thưởng vượt kế hoạch cho nhân viên và ban điều hành	10% trên phần vượt kế hoạch
7	Cổ tức	Từ 10%-20%

Căn cứ vào tình hình thực tế và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

Stt	Khoản mục	Giá trị (đ)
1	Lợi nhuận HN kế hoạch năm 2018	70.000.000.000
2	Lợi nhuận HN thực hiện năm 2018	70.334.723.010
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (riêng)	53.943.011.530
4	Trích quỹ năm 2018	3.236.580.692
-	Quỹ khen thưởng (5%) (5%*(3))	2.697.150.577
-	Quỹ phúc lợi (1%) (1%*(3))	539.430.115
-	Quỹ đầu tư phát triển (2%) (2%*(3))	1.078.860.231
5	Các khoản thưởng	606.374.717
-	Thưởng Hội đồng quản trị (1%) (*) (1%*(3))	539.430.115
-	Thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị (10%*(2-1))	33.472.301
-	Thưởng vượt kế hoạch cho nhân viên và ban điều hành (10%*(2-1))	33.472.301
6	Cổ tức (20%)	24.000.000.000

(*) Khoản này là khoản chi thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT Công ty (chi phí hoạt động của HĐQT bao gồm chi phí hoạt động của các Ban/Tiểu ban do HĐQT bổ nhiệm).

❖ Tình hình phân phối lợi nhuận thực tế của Công ty:

- Chi quỹ khen thưởng: 2.231.141.051 đồng

- Chi quỹ phúc lợi: 9.380.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp tục phân phối lợi nhuận, quyết định trong việc chi khen thưởng trên cơ sở quỹ khen thưởng đã được phê duyệt.

❖ Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng trình Đại hội xem xét thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Stt	Khoản mục	Tỷ lệ trích (%)	Ghi chú
1	Quỹ khen thưởng	5%	
2	Quỹ phúc lợi	1%	
3	Quỹ đầu tư phát triển	2%	
4	Thưởng Hội đồng quản trị	1%	
5	Thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị	10% trên phần vượt kế hoạch	
6	Thưởng vượt kế hoạch cho nhân viên và ban điều hành	10% trên phần vượt kế hoạch	
7	Cổ tức dự kiến	Từ 10%-20%	

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc trích lập và chi khen thưởng trên cơ sở kế hoạch đã được duyệt.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

Số: 04/TT/2019-ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

V/v: Chi trả thù lao các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018;

Kế hoạch chi trả thù lao các thành viên HĐQT năm 2019

Kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bất động sản Netland;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội nội dung sau:

1. Tình hình chi trả thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị: 300.000.000 đồng.
 - Thành viên Ban kiểm soát: 108.000.000 đồng
2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị năm 2019:
 - Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng/người

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2018)

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Netland kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

I. Nội dung 1: Thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2018

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận tỷ lệ chi trả bằng tiền mặt với chi tiết như sau:

- Tỷ lệ: 5% (tương đương 500 đồng/cổ phiếu)
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian thực hiện: Quý 3/2019.
- Thuế Thu nhập cá nhân: ĐHĐCĐ giao cho HĐQT thực hiện khấu trừ Thuế Thu nhập cá nhân tương đương với phần cổ tức chi trả, đồng thời thay mặt cổ đông thực hiện nghĩa vụ nộp phần Thuế Thu nhập cá nhân đã khấu trừ cho Cơ quan Thuế theo đúng quy định của Pháp luật.

II. Nội dung 2: Thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018, cụ thể như sau:

- | | |
|------------------|---|
| 1. Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Netland |
| 2. Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| 3. Mệnh giá | : 10.000 đồng/ cổ phiếu |

4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành (*) : 24.000.000 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 3.600.000 cổ phiếu
6. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 36.000.000.000 đồng
7. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 15%
8. Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
9. Nguồn vốn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm phát hành trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty CP Bất động sản Netland
10. Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền.
11. Thời gian thực hiện : Quý 3/2019
12. Phương thức thực hiện : Cổ đông được chia cổ tức bằng cổ phiếu sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền, quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
13. Tỷ lệ thực hiện : 15% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 15 cổ phần phát hành thêm);
14. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phần chia cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm cổ phần để chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 625 cổ phần. Khi đó cổ đông A sẽ nhận thêm tương ứng là 93,75 cổ phần. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 93 cổ phần. Số cổ phiếu lẻ 0,75 cổ phần hàng thập phân sẽ bị hủy.

Giá trị chênh lệch dương giữa tổng số lợi nhuận dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) so với tổng giá trị thực tế phân phối cho các cổ đông hiện hữu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) sẽ được giữ lại tại nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

(*) Số lượng này bao gồm 9.000.000 cổ phiếu đang trong giai đoạn phân phối cho cổ đông hiện hữu theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK ngày 12/02/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại thời điểm này, Công ty đang vẫn thực hiện việc phân phối cổ phiếu và chưa có báo cáo kết quả phát hành.

III. Nội dung 3: Thông qua và Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Quyết định nội dung chi tiết phương án, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi các nội dung tại phương án này theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước sao cho việc phát hành của Công ty được thực hiện theo đúng quy định.
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thực hiện triển khai việc thực hiện phát hành;
- Chủ động xây dựng phương án chi tiết sử dụng vốn cho dự án; chủ động, điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất (nếu có);
- Phê chuẩn các hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ của Công ty; Sửa đổi Điều lệ Công ty về phần vốn Điều lệ sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh; lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác để hoàn tất việc phát hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

Số: 06/TT/2019-ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

V/v: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng. Tuy nhiên, quy định này có hiệu lực sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực;

Căn cứ theo các quy định của pháp luật, điều lệ và tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Netland kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty năm 2019.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

Số: 07/TT/2019-ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty và Miễn nhiệm Ban kiểm soát Công ty)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2019.

Kính thưa Đại hội,

I. Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Công ty có quyền lựa chọn một trong hai mô hình tổ chức quản lý. Công ty đã lựa chọn mô hình hoạt động có ban kiểm soát trong cơ cấu tổ chức của mình. Để đáp ứng với nhu cầu ngày càng minh bạch hóa thông tin trên thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland như sau:

1. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014:
 - Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
 - Hội đồng quản trị (HĐQT);
 - Tổng giám đốc (TGD).
2. Công ty đảm bảo ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là Thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ (BKTNB) trực thuộc HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập thực hiện chức năng giám sát và thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.

HĐQT kính trình Đại hội ủy quyền cho HĐQT thành lập BKTNB, quyết định nhân sự, ban hành các quy chế hoạt động và các quy chế khác của BKTNB, chỉ đạo thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo đúng mô hình nêu trên, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

II. Miễn nhiệm Ban kiểm soát Công ty

Để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua việc miễn nhiệm các Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát Công ty. Thành phần gồm có:

- Bà Lê Thị Ngọc Hiền – Trưởng ban kiểm soát
- Bà Vũ Thị Nguyệt Nhung – Thành viên ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hằng – Thành viên ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị
Công ty Cổ phần Bất động sản Netland)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bất động sản Netland thông qua ngày 26/08/2017;

Kính thưa Đại hội,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland như sau:

1. Sửa đổi Điều lệ Công ty:

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
1	Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức vào ngày 26 tháng 8 năm 2017	Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 25 tháng 04 năm 2019	Thay đổi ngày được thông qua
2	Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1.Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi tỉ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.000.000 (mười hai triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần	Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1.Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi tỉ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 (mười lăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần	Thay đổi theo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ và ESOP (công văn số 1853/UBCK-QLCB và công văn số 1854/UBCK-QLCB ngày 27/03/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
3	<p>Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc. 	<p>Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng Giám đốc. <p>Theo đó, Công ty đảm bảo số lượng Thành viên HĐQT độc lập tối thiểu đáp ứng quy định pháp luật và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.</p>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động (Điều 11 Điều lệ Công ty)
4	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua</p>	Thay đổi tỷ lệ biểu quyết của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi theo Điều lệ mẫu đi kèm Thông tư 95/2017/TT-BTC (Khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty)
5	<p>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh</p>	Thay đổi thời gian gửi thông báo mời họp theo Điều lệ mẫu đi kèm Thông tư 95/2017/TT-BTC (Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty) Thay đổi tỷ lệ nắm giữ của cổ đông theo Điều lệ mẫu (Điểm b Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty)

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	<p>dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</p>	<p>sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <i>mười lăm (15)</i> ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <i>năm phần trăm (5%)</i> cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.</p>	
6	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <i>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i></p>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động (thay Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty)
7	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị</p>	Thay đổi thời gian gửi thông báo tài liệu lấy ý kiến theo Điều lệ mẫu (Khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty)

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến	phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến	
8		Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ 1.Công ty có Ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Ban KTNB thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Quy chế quản trị Công ty. 2.HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ của BKTNB Công ty.	Bổ sung quy định về Ban kiểm toán nội bộ (bổ sung Điều 31 Điều lệ Công ty)
9	CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT <i>(theo Điều lệ đã được thông qua ngày 26/08/2017)</i>	<i>Bãi bỏ quy định về Ban kiểm soát tại Chương IX Điều lệ Công ty. Các nội dung khác liên quan đến BKS được quy định trong Điều lệ này sẽ không còn hiệu lực thực hiện</i>	Bãi bỏ quy định của BKS để phù hợp với cơ cấu quản lý mới

2. Sửa đổi Quy chế quản trị Công ty phù hợp với cơ cấu quản trị mới:

- Bỏ tất cả các điều khoản, khoản mục có liên quan đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Quy chế quản trị Công ty cũ.
- Bổ sung một số điều khoản, khoản mục vào Quy chế quản trị mới, cụ thể:
 - + Thêm Khoản 3, Điều 16 Người phụ trách quản trị Công ty: “Thù lao của người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt”.
 - + Điều 17. Tiêu chuẩn của thành viên BKTNB
 - + Điều 18. Thành phần BKTNB
 - + Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của BKTNB
 - + Điều 20. Quy chế hoạt động của BKTNB
 - + Điều 21. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp
 - + Điều 22. Tổng giám đốc (TGD)

- + Điều 23. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác
- + Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKTNB
- + Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD
- + Điều 26. Tiếp cận thông tin
- + Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa BKTNB và TGD
- + Điều 28. Phối hợp giữa TGD và HĐQT

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nội dung đã nêu vào Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Toàn bộ Dự thảo sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty được đăng tải trên website Công ty và được đính kèm tài liệu gửi tới các cổ đông trong cuộc họp lần này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng .

Tài liệu gửi kèm:

Dự thảo Điều lệ Công ty

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NETLAND

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ.....	28
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28

Điều 33.	Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty	29
CHƯƠNG VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	30
Điều 34.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 35.	Người Quản lý doanh nghiệp.....	30
Điều 36.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	30
CHƯƠNG IX.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC	31
Điều 37.	Trách nhiệm cần trọng	31
Điều 38.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 39.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
CHƯƠNG X.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 40.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	33
CHƯƠNG XI.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
Điều 41.	Công nhân viên và công đoàn	34
CHƯƠNG XII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 42.	Phân phối lợi nhuận	34
CHƯƠNG XIII.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	35
Điều 43.	Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 44.	Năm tài chính	35
Điều 45.	Chế độ kế toán	35
CHƯƠNG XIV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 46.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý, công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	35
Điều 47.	Báo cáo thường niên	36
CHƯƠNG XV.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	36
Điều 48.	Kiểm toán.....	36
CHƯƠNG XVI.	CON DẤU	37
Điều 49.	Con dấu	37
CHƯƠNG XVII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	37
Điều 50.	Chấm dứt hoạt động.....	37
Điều 51.	Gia hạn hoạt động	37
Điều 52.	Thanh lý	37
CHƯƠNG XVIII.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 53.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
CHƯƠNG XIX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 54.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty	38
CHƯƠNG XX.	NGÀY HIỆU LỰC.....	39
Điều 55.	Ngày hiệu lực	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 25 tháng 04 năm 2019

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "*Vốn điều lệ*" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. "*Người quản lý doanh nghiệp*" được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - f. "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - g. "*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. "*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
 - i. "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - j. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - k. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
1. "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II.
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NETLAND
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: NETLAND REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: NETLAND
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (84-28) 3846 9839
 - Fax:
 - E-mail: info@netland.com.vn
 - Website: www.netland.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc điều hành.

CHƯƠNG III.
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành
1	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý). Dịch vụ đánh giá bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản. Đấu giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới	6820 (Chính)
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
3	Quảng cáo	7310
4	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
7	Xây dựng công trình công ích	4220
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11	Phá dỡ	4311
12	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4322
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
17	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm).	4649
18	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất.	7410
19	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý.	4610

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Kiến tạo, xây dựng và mở rộng môi trường phát triển nhân sự bền vững trong lĩnh vực

bất động sản. Đồng thời tạo tiền đề và hợp tác phát triển cho từng mục tiêu sự nghiệp của mỗi thành viên.

- Phát triển các sản phẩm và dịch vụ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng.
- Đồng hành và kiến tạo các giải pháp kinh doanh hiệu quả cùng có lợi cho đối tác.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **150.000.000.000** đồng (*bằng chữ: Một trăm năm mươi tỉ đồng*).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **15.000.000** (mười lăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp

với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, tên cổ đông và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn

trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng Giám đốc.

Theo đó, Công ty đảm bảo số lượng Thành viên HĐQT độc lập tối thiểu đáp ứng quy định pháp luật và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - i. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ

định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ

đồng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.

Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua mọi Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến các Cổ Đông bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công ty;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; và
 - f. Tổ chức lại, giải thể công ty;
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua

ngợi quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm phiếu hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quy định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất

của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó trong vòng sáu (6) tháng liên tiếp, vắng mặt mà không có sự cho phép của HĐQT trong các cuộc họp HĐQT, và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
 6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc/và quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao.
2. HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của TGD và các Người Quản Lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người quản lý khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiệu quả để bảo vệ cổ đông và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - p. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
 - q. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
 - r. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
 - s. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

- j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty,
- Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên HĐQT một số Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). Trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức TGD của Công ty. Nếu các Cổ Đông đồng ý rằng Chủ tịch có thể kiêm nhiệm chức TGD, thì việc chấp thuận đó phải được gia hạn theo từng năm vào các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng

phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt, và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh Nghiệp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài.
16. Những người tham dự khác. TGD, các Người quản lý khác, và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết, trừ khi chính bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của HĐQT.
17. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ

1. Công ty có Ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Ban KTNB thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Quy chế quản trị Công ty.
2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ của BKTNB Công ty.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự

chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 33. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý cho Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người Quản lý doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người Quản lý doanh nghiệp cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và hệ thống quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người Quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người Quản lý doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thông tin về mức lương, thưởng, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. TGD phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại Điều 157 Luật Doanh Nghiệp.
3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và các loại Người quản lý doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động

- quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý doanh nghiệp;
- f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của ĐHCĐ, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành ký với Công ty và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý doanh nghiệp khác,

nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII.
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG,
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV.
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG
BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý, công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các Công Ty Con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các Cổ đông quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty sau khi thông báo trước chủ Công ty năm (05) ngày làm việc và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
6. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng
Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan có thẩm quyền theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp và pháp luật hiện hành.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay Người Quản lý khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG XX.
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 55 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bất động Sản NetLand nhất trí thông qua và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 04 năm 2019.
2. Điều lệ được lập thành ba (ba) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CHỮ KÝ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

LÊ THỐNG NHẤT



DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN
NETLAND**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Mục lục

QUY CHẾ QUẢN TRỊ	1
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	1
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty.....	2
Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCD).....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	3
Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	3
Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCD thường niên và bất thường.....	3
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	4
Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thành phần Hội đồng quản trị	6
Điều 11. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	7
Điều 14. Họp Hội đồng quản trị	8
Điều 15. Thù lao của Hội đồng quản trị	8
Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty	9
Chương IV: BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ (BKTNB)	9
Điều 17. Tiêu chuẩn của thành viên BKTNB.....	9
Điều 18. Thành phần BKTNB	10
Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên BKTNB	10
Điều 20. Quy chế hoạt động của BKTNB	11
Chương V: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	11
Điều 21. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	11
Điều 22. Tổng giám đốc (TGD)	11
Điều 23. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....	12
Chương VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ TGD	12
Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKTNB.....	12

Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD	13
Điều 26. Tiếp cận thông tin	14
Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa BKTNB và TGD.....	14
Điều 28. Phối hợp giữa TGD và HĐQT	14
Chương VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	15
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.....	15
Điều 30. Giao dịch với người có liên quan.....	15
Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	16
Điều 32. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	17
Chương VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	17
Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	17
Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	17
Điều 35. Công bố thông tin về quản trị công ty.....	17
Điều 36. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành	18
Điều 37. Tổ chức công bố thông tin	18
Chương IX: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	18
Điều 38. Giám sát	18
Điều 39. Xử lý vi phạm	18
Chương X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	18
Điều 40. Hiệu lực thi hành.....	18

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NETLAND

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/04/2019 của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland được xây dựng căn cứ theo các văn bản pháp luật như sau:
 - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (“Luật Doanh nghiệp”);
 - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn;
 - Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 06/06/2017, các văn bản hướng dẫn khác có liên quan;
 - Điều lệ Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý nhằm đánh giá hiệu quả việc thực hiện quản trị của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.
3. Trường hợp có sự mâu thuẫn của pháp luật và Quy chế này hoặc văn bản khác của Công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.
 - b. “Hội đồng quản trị”, “Ban điều hành”, “Tổng Giám đốc”, “Kế toán trưởng” có nghĩa là Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.
 - c. “Ban kiểm toán nội bộ” là một ban trực thuộc Hội đồng quản trị thuộc Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
 - d. “Cổ đông lớn” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - e. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong 02 (hai) năm gần nhất.
- g. Cán bộ quản lý: là cán bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Trong Quy chế này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty

Công ty được quản trị theo các nguyên tắc gồm:

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

Chương II:
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của ĐHĐCĐ;
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty do Công ty công bố theo quy định;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường

1. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
 - b. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
 - c. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - d. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết;

- e. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
 - f. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - g. Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - h. Lập biên bản ĐHĐCĐ;
 - i. Thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng;
 - j. Các vấn đề khác.
2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.
 3. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu điện tử, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
 5. Hàng năm công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 6. Công ty quy định trong Điều lệ công ty hoặc trong các quy định nội bộ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian họp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên được lập theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 9. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 10. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 11. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
 - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
 - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:
 - Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);
 - Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
 - Cách thức biểu quyết;
 - Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
 - Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với các tiểu ban và Giám đốc điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
 - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;

- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
 - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành:
- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành;
 - Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Giám đốc điều hành;
 - Các trường hợp Giám đốc điều hành đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành;
 - Các vấn đề Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị;
 - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 14. Hợp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ của Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.
2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thù lao của người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.
4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IV:

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ (BKTNB)

Điều 17. Tiêu chuẩn của thành viên BKTNB

1. Thành viên BKTNB phải có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán như kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, luật và quản trị kinh doanh. Có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
 - Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên tại đơn vị đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
 - Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về KTNB;
 - Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.
2. Trưởng ban KTNB có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - Hội đủ các tiêu chuẩn của Thành viên BKTNB như Khoản 1 nêu trên;
 - Thỏa các tiêu chuẩn mà HĐQT xét thấy cần thiết;

- Các tiêu chuẩn bổ sung khác theo các quy định pháp luật.

Điều 18. Thành phần BKTNB

1. HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm các thành viên BKTNB.
2. Trưởng ban KTNB phải hội đủ các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này.
3. Để có thể tiến hành cuộc họp của BKTNB, cần sự có mặt tối thiểu của hai phần ba (2/3) số Thành viên BKTNB, trong đó có trưởng ban. Trường hợp trưởng ban KTNB không thể dự họp, trưởng ban KTNB phải ủy quyền cho thành viên HĐQT còn lại để có thể tiến hành họp.
4. Trong nhiệm kỳ BKTNB, nếu có thành viên nào từ chức hay thôi việc, HĐQT có thể cân nhắc và chỉ định một người khác để thay thế. Thành viên thay thế cũng phải hội đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên BKTNB đã được quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này. Nhiệm kỳ của thành viên thay thế sẽ bắt đầu từ ngày được HĐQT chỉ định và sẽ kết thúc đồng thời với nhiệm kỳ của các thành viên BKTNB đương nhiệm.

Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của BKTNB

1. Quyền hạn:
 - a. Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược và các loại báo cáo khác có liên quan đến Công ty;
 - b. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán;
 - c. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp từ HĐQT và các bộ phận có chức năng khác có liên quan đến công việc kiểm toán nội bộ;
 - d. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
 - e. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với vấn đề mà kế toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
 - f. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán;
 - g. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ;
 - h. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
 - i. Các quyền khác được cho phép bởi Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKTNB và các Nghị quyết của ĐHCĐ.
2. Trách nhiệm
 - a. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị;
 - b. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết quả, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;

- c. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận theo đơn vị;
- d. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

Điều 20. Quy chế hoạt động của BKTNB

BKTNB có trách nhiệm soạn thảo Quy chế hoạt động của BKTNB trong đó bao gồm các quy định chi tiết về hoạt động hợp; các nhiệm vụ và trách nhiệm báo cáo cùng các vấn đề khác để trình HĐQT phê duyệt.

Chương V: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 21. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp phù hợp Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết HĐQT.
3. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 22. Tổng giám đốc (TGD)

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm TGD. Trong giai đoạn chuyển đổi đến năm 2020, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm TGD, nhưng phải được ĐHĐCĐ hàng năm thông qua. HĐQT ký hợp đồng lao động với TGD trong đó quy định thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm và được nêu trong báo cáo thường niên Công ty.
2. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (5) năm và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. TGD không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. TGD có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a. Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề được HĐQT giao thẩm quyền và ủy quyền bằng văn bản, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo giới hạn thẩm quyền hoặc ủy quyền của HĐQT và những thông lệ tốt nhất;

- c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định;
- f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty;
- h. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu;
- i. HĐQT có thể bãi nhiệm TGD khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu cũng là một thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 23. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý do HĐQT quy định.

Chương VI:

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ TGD

Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKTNB

1. Trách nhiệm của HĐQT và BKTNB
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên HĐQT và các thành viên BKTNB một cách đồng thời;
 - b. Các Nghị quyết của HĐQT được đồng thời gửi đến Tổng giám đốc trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c. Khi BKTNB đề xuất lựa chọn và bổ nhiệm kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - d. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của BKTNB phải được gửi trong thời hạn quy định và BKTNB có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
2. Trách nhiệm của BKTNB trong mối quan hệ với HĐQT:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

- b. Trong các cuộc họp của BKTNB, BKTNB có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập, khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà thành viên BKTNB quan tâm;
- c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKTNB phải có kết luận bằng văn bản, nhưng không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc, gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKTNB cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì BKTNB được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKTNB có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- d. Trường hợp BKTNB phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKTNB thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hiệu quả đồng thời BKTNB có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị có liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKTNB phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ xem xét và phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD

1. HĐQT và các thành viên HĐQT không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của ban điều hành trừ khi xét thấy cần thiết.
2. HĐQT thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để TGD hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. HĐQT có thể tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban điều hành.
4. HĐQT thực hiện giám sát thường xuyên công tác điều hành của TGD và TGD thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT.
5. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải có thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu TGD, người điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ, các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được TGD đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn quy định của Điều lệ công ty.
7. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc quyết định kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.

Điều 26. Tiếp cận thông tin

1. Khi cần tiếp cận thông tin của Công ty, BKTNB có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và phải bảo mật tuyệt đối các thông tin và tài liệu thu thập được trong quá trình giám sát các hoạt động của Công ty. Việc tiết lộ các thông tin và tài liệu này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu nêu trên bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
 - b. Biên bản, Nghị quyết HĐQT;
 - c. Báo cáo của TGD;
 - d. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính của Công ty.
 - e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
 - f. Các tài liệu có liên quan khác.

Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa BKTNB và TGD

1. Trong các cuộc họp của BKTNB, khi cần thiết, BKTNB có quyền yêu cầu TGD, thành viên HĐQT có liên quan và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKTNB quan tâm.
2. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKTNB phải có kết luận bằng văn bản, không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc, gửi cho TGD để có thêm cơ sở TGD trong công tác quản lý công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKTNB cần phải bàn bạc thống nhất với TGD trước khi báo cáo cho HĐQT và ĐHCĐ. Trường hợp không thống nhất được quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKTNB có trách nhiệm báo cáo với HĐQT.
 - a. Trường hợp BKTNB phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của TGD, BKTNB thông báo bằng văn bản với TGD trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKTNB có trách nhiệm báo cáo với HĐQT, đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - b. Thành viên BKTNB có quyền yêu cầu TGD tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.
 - c. Đối với thông tin, tài liệu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKTNB phải được gửi đến công ty ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKTNB không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan
 - d. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của TGD; phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và TGD sẽ xem xét và phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 28. Phối hợp giữa TGD và HĐQT

1. TGD là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. TGD chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo cho các cơ quan này theo định kỳ và khi có yêu cầu.
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, TGD gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.
4. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

Chương VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty cần áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.
3. Công ty cần áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.
2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông đó là công ty con không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.
3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Trừ trường hợp các giao dịch được ĐHĐCĐ chấp thuận, Công ty không được thực hiện giao dịch sau:
 - a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
 - b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.
5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.
3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

**Chương VIII:
BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 35. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 37. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:
 - a. Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

**Chương IX:
GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 38. Giám sát

Công ty Cổ phần Bất động sản Netland, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Xử lý vi phạm

Công ty Cổ phần Bất động sản Netland và các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Chương X:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty phải được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, BKTNB, Ban điều hành, các cổ đông và các cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cá nhân báo cáo bằng văn bản lên HĐQT Công ty xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LÊ THỐNG NHẤT

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bất động sản Netland thông qua ngày 26/08/2017;

Kính thưa Đại hội,

Trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình phát hành trái phiếu để huy động vốn và các nội dung ủy quyền Hội đồng quản trị triển khai và thực hiện, cụ thể như sau:

1. Mục đích phát hành nhu cầu vốn huy động và phương án sử dụng vốn

Mục đích phát hành: Phát hành trái phiếu nhằm mục đích tăng quy mô vốn cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể: Bổ sung vốn hoạt động mua bán/sáp nhập/hợp tác để phát triển dự án bất động sản, mở rộng quy mô hoạt động

Nhu cầu huy động vốn: Tối đa 300 tỷ VNĐ

Phương án sử dụng vốn: Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ cho các hoạt động để cân đối tài chính triển khai các dự án theo mục đích nêu trên đảm bảo chiến lược phát triển của Công ty.

Các điều khoản chính của Trái phiếu:

1. Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Bất động sản Netland
2. Loại hình	: Trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc Trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền và/hoặc Trái phiếu chuyển đổi
3. Hình thức phát hành	: Phát hành riêng lẻ theo quy định tại Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018
4. Tên trái phiếu	: Trái phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Netland
5. Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu

6. Giá phát hành	: 100.000 đồng/trái phiếu
7. Hình thức phát hành trái phiếu	: Bút toán ghi sổ, có phát hành giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu
8. Loại tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VNĐ)
9. Số đợt phát hành	: Một hoặc nhiều đợt phát hành
10. Kỳ hạn	: Tối đa 05 (năm) năm
11. Lãi suất	: Ủy quyền cho HĐQT đàm phán và thỏa thuận lãi suất phù hợp với tình hình thị trường và khả năng tài chính của Công ty
12. Phương thức thanh toán gốc và lãi trái phiếu	: Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư
13. Nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu	: Nguồn tiền được ghi nhận trên Báo cáo tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành
14. Thời điểm phát hành	: Dự kiến năm 2019
15. Đối tượng chào bán	: Dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư để chào bán: - Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có năng lực tài chính; - Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua và thực hiện Chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Mua lại	: Trừ trường hợp pháp luật có liên quan không cho phép, Công ty có quyền mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu đang lưu hành; Đại hội ủy quyền cho HĐQT quy định chi tiết về các điều khoản mua lại, thời điểm, cách thức mua lại Trái phiếu
17. Cam kết của Tổ chức phát hành	: Công ty cam kết thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Trái phiếu
18. Trường hợp phát hành Trái phiếu chuyển đổi	: Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định về tỷ lệ chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, giá chuyển đổi, biên độ biến động giá cổ phiếu (nếu có), điều chỉnh giá chuyển đổi, điều khoản chống pha loãng và các điều khoản cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp, giá chuyển đổi không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
19. Trong trường hợp phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền	: Đại hội ủy quyền cho HĐQT đàm phán và công bố giá thực hiện chứng quyền, thời điểm thực hiện quyền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền và các điều khoản cần thiết khác của trái phiếu kèm

	chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp giá mua cổ phiếu không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu
--	---

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:

- Lập phương án phát hành bao gồm các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái phiếu bao gồm: (i) Loại trái phiếu, (ii) Số lượng phát hành, số đợt phát hành, kỳ hạn, lãi suất đối với từng loại trái phiếu (iii) Tỷ lệ chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, giá chuyển đổi và biên độ giao động giá cổ phiếu đối với Trái phiếu chuyển đổi (nếu có) và (iv) giá thực hiện chứng quyền và thời điểm thực hiện quyền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền đối với Trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền, và các điều khoản, điều kiện chi tiết khác theo quy định của pháp luật.
- Lựa chọn nhà đầu tư phù hợp với tiêu chí đã đặt ra;
- Lựa chọn tổ chức tư vấn, đại lý phát hành;
- Quyết định nội dung và ký kết hoặc chỉ định người có thẩm quyền ký kết toàn bộ các tài liệu liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn Hợp đồng tư vấn phát hành; Bản công bố thông tin; Các hợp đồng cầm cố, thế chấp; Hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký và thanh toán; Hợp đồng giữ, quản lý tài khoản trái phiếu và tài khoản dự phòng trả nợ và các cam kết với nhà đầu tư trái phiếu (nếu có) và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài liệu đó.
- Lập phương án xử lý số Trái phiếu không chào bán hết (nếu có);
- Ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, bổ sung mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) sao cho việc huy động vốn của công ty được đảm bảo thành công và đúng theo quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi bổ sung phải đảm bảo có lợi nhất cho cổ đông và Công ty.
- Thực hiện chi tiết việc phát hành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Thực hiện việc thay đổi Vốn điều lệ, chỉnh sửa Điều lệ Công ty và thay đổi đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tương ứng với số cổ phần tăng thêm (nếu có) sau các đợt Công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành Trái phiếu chi tiết.
- Thực hiện các công việc liên quan khác để hoàn thành đợt trái phiếu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ THỐNG NHẤT

Số:NQ-ĐHĐCĐ-2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN NETLAND

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland;
- Căn cứ Biên bản họp số /BB-ĐHĐCĐ-2019 ngày .../.../2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Điều 2: Thông qua báo cáo Ban Kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 và lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

❖ Thông qua báo cáo tài chính Mẹ và hợp nhất của Công ty năm 2018

Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, bao gồm: Báo cáo của Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Bảng kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Thông qua toàn văn báo cáo tài chính riêng công ty Mẹ năm 2018 của Công ty cổ phần Bất động sản Netland được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & Dịch vụ Tin học Tp.HCM.
- Thông qua toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & Dịch vụ Tin học Tp.HCM.

❖ Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ tin học Tp.HCM – 389A Điện Biên Phủ, phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh là đơn vị kiểm toán đáp ứng đầy đủ các yêu cầu

nêu trên và đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2016 đến năm 2018, để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty, giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị kiểm toán độc lập và các công việc có liên quan khác (nếu có).

Điều 4: Thông qua kế hoạch, đầu tư và phân phối các dự án năm 2019

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các vấn đề sau:

❖ Kế hoạch kinh doanh năm 2019

Stt	Chỉ tiêu	TH 2018 HN (Triệu đồng)	KH 2019 (Triệu đồng)	% +/- so với 2018
1	Vốn điều lệ	120.000	240.000	100%
2	Doanh thu thuần (DTT)	176.745	350.000	98,03%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	72.117	110.000	52,53%
4	Tỷ lệ cổ tức (%)	20%	10-20%	

❖ Kế hoạch đầu tư và phân phối dự án

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến đầu tư, phân phối dự án với loại dự án, số lượng dự án và quy mô không hạn chế. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

❖ Kế hoạch đầu tư, ký kết các hợp đồng, và giao dịch có liên quan của công ty

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định các nội dung liên quan đến kế hoạch đầu tư, ký kết các hợp đồng và giao dịch với các bên có liên quan cụ thể như sau: Phương án mua bán, phương án đầu tư, giá đầu tư và giá mua bán, tỉ lệ đầu tư và tỉ lệ mua bán, các vấn đề cần thiết để giao dịch được thành công; Đảm bảo lợi ích cho công ty và báo cáo lại cho Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Đối với các giao dịch có liên quan khác: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định cấp các khoản vay, bảo lãnh với các bên có liên quan (và ngược lại) với giá trị mỗi khoản vay, bảo lãnh vay với các bên có liên quan dưới giá trị 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

❖ Mua sắm tài sản cố định

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc mua sắm tài sản cố định cho Công ty mà không bị giới hạn về giá trị của tài sản. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Điều 5: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm 2019

❖ Việc phân phối lợi nhuận năm 2018

Stt	Khoản mục	Giá trị (đ)
1	Lợi nhuận HN kế hoạch năm 2018	70.000.000.000
2	Lợi nhuận HN thực hiện năm 2018	70.334.723.010
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (riêng)	53.943.011.530
4	Trích quỹ năm 2018	3.236.580.692
-	Quỹ khen thưởng (5%) (5%*(3))	2.697.150.577
-	Quỹ phúc lợi (1%) (1%*(3))	539.430.115
-	Quỹ đầu tư phát triển (2%) (2%*(3))	1.078.860.231
5	Các khoản thưởng	606.374.717
-	Thưởng Hội đồng quản trị (1%) (*) (1%*(3))	539.430.115
-	Thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị (10%*(2-1))	33.472.301
-	Thưởng vượt kế hoạch cho nhân viên và ban điều hành (10%*(2-1))	33.472.301
6	Cổ tức (20%)	24.000.000.000

(*) Khoản này là khoản chi thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT Công ty (chi phí hoạt động của HĐQT bao gồm chi phí hoạt động của các Ban/Tiểu ban do HĐQT bổ nhiệm).

❖ Tình hình phân phối lợi nhuận thực tế của Công ty:

- Chi quỹ khen thưởng: 2.231.141.051 đồng
- Chi quỹ phúc lợi: 9.380.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp tục phân phối lợi nhuận, quyết định trong việc chi khen thưởng trên cơ sở quỹ khen thưởng đã được phê duyệt.

❖ **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019**

Stt	Khoản mục	Tỷ lệ trên LNST (%)	Ghi chú
1	Quỹ khen thưởng	5%	
2	Quỹ phúc lợi	1%	
3	Quỹ đầu tư phát triển	2%	
4	Thưởng Hội đồng quản trị	1%	
5	Thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị	10% trên phần vượt kế hoạch	
6	Thưởng vượt kế hoạch cho nhân viên và ban điều hành	10% trên phần vượt kế hoạch	

Stt	Khoản mục	Tỷ lệ trên LNST (%)	Ghi chú
7	Cổ tức dự kiến	Từ 10%-20%	

Điều 6: Thông qua thù lao các thành viên Hội đồng quản trị, BKS năm 2018 và dự kiến năm 2019

Tổng thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 300.000.000 đồng
- Thành viên Ban kiểm soát: 108.000.000 đồng

Kế hoạch chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm 2019:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng/người

Điều 7: Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2018

❖ Thông qua tỷ lệ chi trả bằng tiền mặt:

- Tỷ lệ: 5% (tương đương 500 đồng/cổ phiếu)
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian thực hiện: Quý 3/2019.
- Thuế Thu nhập cá nhân: Giao cho HĐQT thực hiện khấu trừ Thuế Thu nhập cá nhân tương đương với phần cổ tức chi trả, đồng thời thay mặt cổ đông thực hiện nghĩa vụ nộp phần Thuế Thu nhập cá nhân đã khấu trừ cho Cơ quan Thuế theo đúng quy định của Pháp luật.

❖ Thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Netland
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 24.000.000 cổ phiếu
(*)
5. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 3.600.000 cổ phiếu
6. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 36.000.000.000 đồng
7. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 15%
8. Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
9. Nguồn vốn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời

điểm phát hành trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty CP Bất động sản Netland

10. Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền.
11. Thời gian thực hiện : Quý 3/2019
12. Phương thức thực hiện : Cổ đông được chia cổ tức bằng cổ phiếu sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền, quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
13. Tỷ lệ thực hiện : 15% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 15 cổ phần phát hành thêm);
14. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phần chia cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm cổ phần để chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 625 cổ phần. Khi đó cổ đông A sẽ nhận thêm tương ứng là 93,75 cổ phần. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 93 cổ phần. Số cổ phiếu lẻ 0,75 cổ phần hàng thập phân sẽ bị hủy.

Giá trị chênh lệch dương giữa tổng số lợi nhuận dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) so với tổng giá trị thực tế phân phối cho các cổ đông hiện hữu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) sẽ được giữ lại tại nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

(*) Số lượng này bao gồm 9.000.000 cổ phiếu đang trong giai đoạn phân phối cho cổ đông hiện hữu theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK ngày 12/02/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại thời điểm này, Công ty đang vẫn thực hiện việc phân phối cổ phiếu và chưa có báo cáo kết quả phát hành.

❖ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Quyết định nội dung chi tiết phương án, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi các nội dung tại phương án này theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước sao cho việc phát hành của Công ty được thực hiện theo đúng quy định.
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác;

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thực hiện triển khai việc thực hiện phát hành;
- Chủ động xây dựng phương án chi tiết sử dụng vốn cho dự án; chủ động, điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất (nếu có);
- Phê chuẩn các hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ của Công ty; Sửa đổi Điều lệ Công ty về phần vốn Điều lệ sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh; lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác để hoàn tất việc phát hành.

Điều 8: Thông qua phương án Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức vụ Tổng giám đốc Công ty năm 2019

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức vụ Tổng giám đốc Công ty năm 2019.

Điều 9: Thông qua thay đổi thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty và Miễn nhiệm Ban kiểm soát Công ty.

❖ Thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland, cụ thể như sau:

1. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
- Hội đồng quản trị (HĐQT);
- Tổng giám đốc (TGD).

2. Công ty đảm bảo ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là Thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ (BKTNB) trực thuộc HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập thực hiện chức năng giám sát và thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.

Ủy quyền cho HĐQT thành lập BKTNB, quyết định nhân sự, ban hành các quy chế hoạt động và các quy chế khác của BKTNB, chỉ đạo thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo đúng mô hình nêu trên, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

❖ Miễn nhiệm Ban kiểm soát Công ty

Để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Công ty, Đại hội thông qua việc miễn nhiệm các Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát Công ty. Thành phần gồm có:

- Bà Lê Thị Ngọc Hiền – Trưởng ban kiểm soát

- Bà Vũ Thị Nguyệt Nhung – Thành viên ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hằng – Thành viên ban kiểm soát.

Điều 10: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị Công ty

❖ **Sửa đổi Điều lệ Công ty:**

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
1	Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức vào ngày 26 tháng 8 năm 2017	Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 25 tháng 04 năm 2019	Thay đổi ngày được thông qua
2	Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1.Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi tỉ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.000.000 (mười hai triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần	Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1.Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi tỉ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 (mười lăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần	Thay đổi theo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ và ESOP (công văn số 1853/UBCK-QLCB và công văn số 1854/UBCK-QLCB ngày 27/03/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
3	Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc.	Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng Giám đốc. Theo đó, Công ty đảm bảo số lượng Thành viên HĐQT độc lập tối thiểu đáp ứng quy định pháp luật và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động (Điều 11 Điều lệ Công ty)
4	Điều 17. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ	Điều 17. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất	Thay đổi tỷ lệ biểu quyết của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi theo Điều lệ mẫu đi kèm Thông tư 95/2017/TT-

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	BTC (Khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty)
5	<p>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p>Thay đổi thời gian gửi thông báo mời họp theo Điều lệ mẫu đi kèm Thông tư 95/2017/TT-BTC (Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty)</p> <p>Thay đổi tỷ lệ nắm giữ của cổ đông theo Điều lệ mẫu (Điểm b Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty)</p>
6	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm</p>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động (thay Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty)

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	<p>chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	ty)
7	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	Thay đổi thời gian gửi thông báo tài liệu lấy ý kiến theo Điều lệ mẫu (Khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty)
8		<p>Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ</p> <p>1. Công ty có Ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Ban KTNB thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Quy chế quản trị Công ty.</p> <p>2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ của BKTNB Công ty.</p>	Bổ sung quy định về Ban kiểm toán nội bộ (bổ sung Điều 31 Điều lệ Công ty)
9	<p>CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT</p> <p>(theo Điều lệ đã được thông qua ngày 26/08/2017)</p>	<p><i>Bãi bỏ quy định về Ban kiểm soát tại Chương IX Điều lệ Công ty. Các nội dung khác liên quan đến BKS được quy định trong Điều lệ này sẽ không còn hiệu lực thực hiện</i></p>	Bãi bỏ quy định của BKS để phù hợp với cơ cấu quản lý mới

❖ **Sửa đổi Quy chế quản trị Công ty phù hợp với cơ cấu quản trị mới**

- Bỏ tất cả các điều khoản, khoản mục có liên quan đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Quy chế quản trị Công ty cũ.
- Bổ sung một số điều khoản, khoản mục vào Quy chế quản trị mới, cụ thể:
 - + Thêm Khoản 3, Điều 16 Người phụ trách quản trị Công ty: “Thù lao của người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt”.
 - + Điều 17. Tiêu chuẩn của thành viên BKTNB
 - + Điều 18. Thành phần BKTNB
 - + Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của BKTNB
 - + Điều 20. Quy chế hoạt động của BKTNB
 - + Điều 21. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp
 - + Điều 22. Tổng giám đốc (TGD)
 - + Điều 23. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác
 - + Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKTNB
 - + Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD
 - + Điều 26. Tiếp cận thông tin
 - + Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa BKTNB và TGD
 - + Điều 28. Phối hợp giữa TGD và HĐQT

Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nội dung đã nêu vào Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Điều 12: Thông qua việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp

❖ **Mục đích phát hành nhu cầu vốn huy động và phương án sử dụng vốn**

Mục đích phát hành: Phát hành trái phiếu nhằm mục đích tăng quy mô vốn cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể: Bổ sung vốn hoạt động mua bán/sáp nhập/hợp tác để phát triển dự án bất động sản, mở rộng quy mô hoạt động

Nhu cầu huy động vốn: Tối đa 300 tỷ VNĐ

Phương án sử dụng vốn: Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ cho các hoạt động để cân đối tài chính triển khai các dự án theo mục đích nêu trên đảm bảo chiến lược phát triển của Công ty.

Các điều khoản chính của Trái phiếu:

1. Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Bất động sản Netland
2. Loại hình	: Trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc Trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền và/hoặc Trái phiếu chuyển đổi
3. Hình thức phát hành	: Phát hành riêng lẻ theo quy định tại Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018
4. Tên trái phiếu	: Trái phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Netland
5. Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu
6. Giá phát hành	: 100.000 đồng/trái phiếu
7. Hình thức phát hành trái phiếu	: Bút toán ghi sổ, có phát hành giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu
8. Loại tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VNĐ)
9. Số đợt phát hành	: Một hoặc nhiều đợt phát hành
10. Kỳ hạn	: Tối đa 05 (năm) năm
11. Lãi suất	: Ủy quyền cho HĐQT đàm phán và thỏa thuận lãi suất phù hợp với tình hình thị trường và khả năng tài chính của Công ty
12. Phương thức thanh toán gốc và lãi trái phiếu	: Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư
13. Nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu	: Nguồn tiền được ghi nhận trên Báo cáo tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành
14. Thời điểm phát hành	: Dự kiến năm 2019
15. Đối tượng chào bán	: Dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư để chào bán: - Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có năng lực tài chính; - Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua và thực hiện Chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Mua lại	: Trừ trường hợp pháp luật có liên quan không cho phép, Công ty có quyền mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu đang lưu hành; Đại hội ủy quyền cho HĐQT quy định chi tiết về các điều khoản mua lại, thời điểm, cách thức mua lại Trái phiếu
17. Cam kết của Tổ chức phát hành	: Công ty cam kết thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Trái phiếu
18. Trường hợp phát hành Trái phiếu chuyển đổi	: Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định về tỷ lệ chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, giá chuyển đổi, biên độ biến động giá cổ phiếu (nếu có), điều chỉnh giá chuyển đổi, điều khoản chống pha loãng và các điều khoản cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp, giá chuyển đổi không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Trong trường hợp phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền	: Đại hội ủy quyền cho HĐQT đàm phán và công bố giá thực hiện chứng quyền, thời điểm thực hiện quyền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền và các điều khoản cần thiết khác của trái phiếu kèm chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp giá mua cổ phiếu không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu
---	--

❖ **Đại hội ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:**

- Lập phương án phát hành bao gồm các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái phiếu bao gồm: (i) Loại trái phiếu, (ii) Số lượng phát hành, số đợt phát hành, kỳ hạn, lãi suất đối với từng loại trái phiếu (iii) Tỷ lệ chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, giá chuyển đổi và biên độ giao động giá cổ phiếu đối với Trái phiếu chuyển đổi (nếu có) và (iv) giá thực hiện chứng quyền và thời điểm thực hiện quyền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền đối với Trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền, và các điều khoản, điều kiện chi tiết khác theo quy định của pháp luật.
- Lựa chọn nhà đầu tư phù hợp với tiêu chí đã đặt ra;
- Lựa chọn tổ chức tư vấn, đại lý phát hành;
- Quyết định nội dung và ký kết hoặc chỉ định người có thẩm quyền ký kết toàn bộ các tài liệu liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn Hợp đồng tư vấn phát hành; Bản công bố thông tin; Các hợp đồng cầm cố, thế chấp; Hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký và thanh toán; Hợp đồng giữ, quản lý tài khoản trái phiếu và tài khoản dự phòng trả nợ và các cam kết với nhà đầu tư trái phiếu (nếu có) và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài liệu đó.
- Lập phương án xử lý số Trái phiếu không chào bán hết (nếu có);
- Ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, bổ sung mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) sao cho việc huy động vốn của công ty được đảm bảo thành công và đúng theo quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi bổ sung phải đảm bảo có lợi nhất cho cổ đông và Công ty.
- Thực hiện chi tiết việc phát hành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Thực hiện việc thay đổi Vốn điều lệ, chỉnh sửa Điều lệ Công ty và thay đổi đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tương ứng với số cổ phần tăng thêm (nếu có) sau các đợt Công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành Trái phiếu chi tiết.
- Thực hiện các công việc liên quan khác để hoàn thành đợt trái phiếu theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày ký. Nghị quyết này sẽ được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Netland.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu VT, TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ THỐNG NHẤT